

GIAO VĂN HÓA THỂ HIỆN NIỀM VUI TRONG THÀNH NGỮ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

ĐINH THỊ BÉ
Trường Đại học Điện lực

Nhận bài ngày 03/02/2026. Sửa chữa xong 31/3/2026. Duyệt đăng 06/4/2026.

Abstract

Language plays a crucial role; it is not only a tool for communication but also a mirror reflecting the spiritual life, culture, and value system of a community. Among language units, idioms are special, encapsulating human experience, ways of thinking, and emotions. This article examines the phenomenon of cross-cultural expression of joy through English and Vietnamese idioms. By analyzing and comparing idioms that express joy, the article elucidates the similarities and differences in metaphorical imagery, socio-cultural foundations, and the ways people in these two cultures express the positive emotion of joy. This study contributes to enhancing intercultural awareness in foreign language teaching, learning, and translation.

Keywords: Cross-cultural, emotion, english, idioms, joy, vietnamese.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, giao lưu và tiếp xúc giữa các nền văn hóa ngày càng trở nên sâu rộng. Ngôn ngữ, với tư cách là phương tiện giao tiếp cơ bản nhất, đóng vai trò trung tâm trong quá trình này. Tuy nhiên, việc hiểu ngôn ngữ không chỉ dừng lại ở mặt từ vựng hay ngữ pháp mà còn đòi hỏi người học phải nắm bắt được các yếu tố văn hóa ẩn sau ngôn từ. Một trong những lĩnh vực thể hiện rõ nét mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa chính là thành ngữ.

Thành ngữ thường mang tính cố định, hàm súc và giàu hình ảnh, chúng phản ánh cách con người quan sát thế giới, tổ chức kinh nghiệm sống và biểu đạt cảm xúc. Trong số các trạng thái cảm xúc của con người, niềm vui là một cảm xúc phổ quát, tồn tại ở mọi nền văn hóa. Tuy nhiên, cách con người cảm nhận, đánh giá và diễn đạt niềm vui lại chịu ảnh hưởng sâu sắc của bối cảnh văn hóa - xã hội cụ thể. Từ góc độ đó, việc nghiên cứu thành ngữ biểu đạt niềm vui trong tiếng Anh và tiếng Việt không chỉ giúp người học ngoại ngữ sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên hơn mà còn mở ra cái nhìn sâu sắc về sự tương đồng và khác biệt văn hóa giữa hai cộng đồng ngôn ngữ. Bài báo phân tích và so sánh các thành ngữ thể hiện niềm vui trong tiếng Anh và tiếng Việt, từ đó làm nổi bật ý nghĩa giao văn hóa của chúng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm về thành ngữ, ẩn dụ

2.1.1. Thành ngữ

Để giao tiếp hiệu quả, người học ngoại ngữ cần phải có kiến thức về ngôn ngữ, kỹ năng ngôn ngữ và văn hóa. Đơn vị ngữ cú, cụ thể trong nghiên cứu này là thành ngữ, là gốc của hầu hết mọi nền văn hóa cũng như một phần quan trọng trong việc tiếp thu ngôn ngữ. Thông qua phân tích ngữ nghĩa và đặc điểm liên văn hóa, nghiên cứu này nhằm mục đích chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt về thể hiện niềm vui trong thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt trên cơ sở ngôn ngữ học đối chiếu. Từ đó rút ra những khác biệt theo định hướng liên văn hóa giữa hai ngôn ngữ về hình tượng liên tưởng trong việc dùng thành ngữ. Hơn thế nữa, chúng ta có thể khám phá vẻ đẹp của thành ngữ trong hai ngôn

Email: bedt@epu.edu.vn

DOI: 10.64410/ZTEP9316

ngữ để tìm ra mối quan hệ của hai ngôn ngữ và hai nền văn hóa, từ đó làm giàu kinh nghiệm về ngôn ngữ và đời sống. Thành ngữ là những tổ hợp từ cố định, có nghĩa toàn thể không thể suy ra trực tiếp từ nghĩa của từng thành tố cấu tạo. Chúng thường mang tính hình tượng cao, giàu sắc thái biểu cảm và được sử dụng phổ biến trong giao tiếp hằng ngày. Theo quan điểm ngôn ngữ học hiện đại, thành ngữ không chỉ là hiện tượng ngôn ngữ thuần túy mà còn là sản phẩm của tư duy và văn hóa.

2.1.2. Ẩn dụ

Ẩn dụ được xem là một phép chuyển nghĩa, một lối diễn đạt bóng bẩy nhằm tạo ấn tượng cho người đọc, người nghe. Một số nhà nghiên cứu khác cho rằng ẩn dụ là một cách dùng ngôn ngữ bóng gió trong văn học và thành ngữ, họ chấp nhận khái niệm Trường (Tenor) và phương tiện (vehicle) trong biểu đạt ẩn dụ. Các nhà nghiên cứu Austin (1963), Searl (1993), Grice (1975) cho rằng ẩn dụ là hiện tượng sử dụng ngôn ngữ lệch chuẩn (deviant use) trong ngữ cảnh, ý nghĩa của câu ẩn dụ thường không hợp lý trong một ngữ cảnh nào đó. Grice (1975) cho rằng, trong các cuộc hội thoại thông thường, con người thường phải tuân thủ nguyên tắc hợp tác hội thoại và rằng ẩn dụ là sự vi phạm các phương châm hội thoại, đặc biệt là phương châm về chất (quality maxim) [1, tr. 125].

2.1.3. Niềm vui dưới góc nhìn ngôn ngữ - văn hóa

Niềm vui là một trạng thái cảm xúc tích cực, xuất hiện khi con người đạt được mong muốn, cảm thấy thỏa mãn hoặc trải nghiệm điều tốt đẹp. Mặc dù niềm vui là cảm xúc phổ quát, song mức độ biểu hiện và cách diễn đạt lại khác nhau giữa các nền văn hóa. Có nền văn hóa khuyến khích việc thể hiện cảm xúc một cách trực tiếp, mạnh mẽ; trong khi đó, có nền văn hóa đề cao sự tiết chế, kín đáo. Yếu tố văn hóa chi phối rất lớn trong thể hiện cảm xúc niềm vui, mỗi nền văn hóa có một cách riêng khi thể hiện cảm xúc. Vì vậy, khi chúng ta đối chiếu giữa các nền văn hóa để tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt trong giao tiếp.

Ngôn ngữ và văn hóa luôn gắn bó chặt chẽ với nhau, đặc biệt thể hiện rõ qua niềm vui trong cách con người giao tiếp. Trong tiếng Anh, niềm vui thường được thể hiện trực tiếp qua những từ như "happy", "joyful" hay "excited". Người nói tiếng Anh có xu hướng bộc lộ cảm xúc rõ ràng, kèm theo nụ cười và ngữ điệu sinh động. Trong khi đó, tiếng Việt lại mang nét tinh tế và giàu hình ảnh, ví dụ như "vui như Tết" hay "mừng rỡ khôn xiết". Niềm vui trong văn hóa Việt Nam thường gắn liền với gia đình, cộng đồng và các dịp lễ truyền thống. Cách biểu đạt niềm vui của người Việt đôi khi kín đáo hơn, thể hiện qua hành động hơn là lời nói. Sự khác biệt này phản ánh giá trị văn hóa: phương Tây đề cao cá nhân, còn Việt Nam coi trọng tập thể. Tuy vậy, cả hai ngôn ngữ đều hướng đến việc lan tỏa cảm xúc tích cực và kết nối con người. Việc học cả tiếng Anh và tiếng Việt giúp chúng ta hiểu sâu hơn về cách mỗi nền văn hóa cảm nhận niềm vui. Từ đó, chúng ta có thể giao tiếp hiệu quả hơn và trân trọng sự đa dạng văn hóa trên thế giới [2, tr. 84].

2.1.4. Giao văn hóa và nghiên cứu đối chiếu

Văn hóa là một khái niệm rất rộng, thường được hiểu là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong suốt quá trình lịch sử. Theo UNESCO, văn hóa có thể được định nghĩa là: "Tổng thể những đặc trưng về tinh thần, vật chất, trí tuệ và cảm xúc của một xã hội hoặc một nhóm người, bao gồm nghệ thuật, văn học, lối sống, hệ giá trị, truyền thống và tín ngưỡng". Văn hóa chính là cách con người sống, suy nghĩ, hành động và sáng tạo ra các giá trị để thích nghi và phát triển trong xã hội. Edward T. Hall định nghĩa: Giao tiếp văn hóa là quá trình trao đổi thông tin giữa các cá nhân thuộc những nền văn hóa khác nhau, trong đó văn hóa ảnh hưởng mạnh đến cách mã hóa và giải mã thông điệp. Dell Hymes một nhà ngôn ngữ định nghĩa: Giao tiếp không chỉ là biết ngôn ngữ mà còn là biết sử dụng ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh văn hóa. Claire Kramsch chuyên gia về ngôn ngữ và văn hóa nêu: Ngôn ngữ và văn hóa gắn bó chặt chẽ; học ngôn ngữ cũng là học cách nhìn nhận thế giới của một nền văn hóa khác. Byram Michael định nghĩa: Giao tiếp liên văn hóa là khả năng tương tác hiệu quả với người khác văn hóa, dựa trên kiến thức, thái độ và kỹ năng phù hợp.

Giao văn hóa là quá trình con người từ các nền văn hóa khác nhau trao đổi thông tin và hiểu nhau,

trong đó sự khác biệt về giá trị, ngôn ngữ và cách ứng xử đóng vai trò quan trọng. Giao văn hóa là quá trình tiếp xúc, tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các nền văn hóa khác nhau. Trong nghiên cứu ngôn ngữ, cách tiếp cận giao văn hóa thường gắn liền với phương pháp đối chiếu nhằm làm rõ sự tương đồng và khác biệt trong cách sử dụng ngôn ngữ, từ đó hạn chế những hiểu lầm trong giao tiếp liên văn hóa [4, tr. 76].

Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu (contrastive linguistics) là một ngành của ngôn ngữ học chuyên so sánh hai hay nhiều ngôn ngữ để tìm ra điểm giống và khác nhau giữa chúng; là việc phân tích và so sánh các ngôn ngữ nhằm làm rõ sự tương đồng và khác biệt về âm thanh, từ vựng, ngữ pháp và cách sử dụng.

Theo Robert Lado: Ông cho rằng việc so sánh hai ngôn ngữ giúp dự đoán những khó khăn mà người học sẽ gặp khi học ngoại ngữ. Charles C. Fries nhấn mạnh rằng học ngoại ngữ hiệu quả khi dựa trên sự đối chiếu với ngôn ngữ mẹ đẻ. Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu là ngành nghiên cứu sự giống và khác nhau giữa các ngôn ngữ để phục vụ học tập, giảng dạy và giao tiếp [5, tr. 94].

2.2. Điểm tương đồng và khác biệt thể hiện niềm vui trong thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt

2.2.1. Thành ngữ thể hiện niềm vui trong tiếng Anh

Thành ngữ tiếng Anh biểu đạt niềm vui thường mang tính trực tiếp, sinh động và giàu hình ảnh. Nhiều thành ngữ sử dụng các bộ phận cơ thể, trạng thái không gian hoặc hình ảnh động để diễn tả cảm xúc hân hoan, phấn khích.

Niềm vui mạnh mẽ, hân hoan, phấn khích.

On cloud nine: Diễn tả trạng thái hạnh phúc tốt độ, như đang ở trên chín tầng mây.

Over the moon: Thể hiện niềm vui lớn, sự phấn khích mạnh mẽ.

Jump for joy: Nhảy lên vì sung sướng.

Happy as a clam: Hạnh phúc và mãn nguyện.

Thành ngữ	Nghĩa
In seventh heaven	Sung sướng ngây ngất
Walking on air	Vui đến mức lâng lâng
Burst with joy	Tràn ngập niềm vui
Be thrilled to bits	Vui mừng khôn xiết

Niềm vui thể hiện qua nét mặt, hành động.

Thành ngữ	Nghĩa
Grin from ear to ear	Cười toe toét
All smiles	Tươi cười rạng rỡ
Beam with happiness	Mặt rạng rỡ vì vui
Have a spring in one's step	Bước đi nhẹ nhàng, vui vẻ
Eyes light up	Ánh mắt bừng sáng vì vui

Niềm vui nhẹ nhàng, hài lòng, mãn nguyện.

Thành ngữ	Nghĩa
In good spirits	Tinh thần phấn chấn
On top of the world	Cảm thấy rất mãn nguyện
Happy as a clam	Hài lòng, vui vẻ
Content to the core	Mãn nguyện hoàn toàn
At ease	Thoải mái, vui vẻ

Niềm vui bất ngờ, may mắn.

Thành ngữ	Nghĩa
Strike it lucky	Gặp vận may
A pleasant surprise	Bất ngờ thú vị
Find joy in something	Tìm thấy niềm vui
Be in for a treat	Sắp được trải nghiệm điều vui

Các thành ngữ trên cho thấy người bản ngữ tiếng Anh có xu hướng liên tưởng niềm vui với sự bay bổng, chuyển động và biểu hiện ra bên ngoài. Điều này phản ánh đặc trưng của các nền văn hóa phương Tây, nơi việc thể hiện cảm xúc cá nhân được coi là tự nhiên và được khuyến khích [3, tr. 115].

2.2.2. Thành ngữ thể hiện niềm vui trong tiếng Việt

Thành ngữ tiếng Việt diễn đạt niềm vui thường gắn với đời sống nông nghiệp, sinh hoạt cộng đồng và các mối quan hệ xã hội. So với tiếng Anh, cách thể hiện niềm vui trong tiếng Việt thường mang tính hàm súc, kín đáo và gắn với hoàn cảnh cụ thể.

Niềm vui lớn, hân hoan, rạng rỡ

Thành ngữ	Nghĩa
Vui như mở cờ trong bụng	Vui sướng khôn tả
Mừng rơn	Vui mừng rõ rệt
Hớn hờ ra mặt	Thể hiện niềm vui rõ ràng
Vui như Tết	Vui sướng, rộn ràng
Lòng vui phơi phới	Niềm vui lan tỏa

Niềm vui thể hiện qua nét mặt, cử chỉ

Thành ngữ	Nghĩa
Mặt mày hớn hờ	Gương mặt tươi vui
Cười tươi như hoa	Nụ cười rạng rỡ
Nét mặt rạng rỡ	Thể hiện niềm vui
Bước chân nhẹ tênh	Tâm trạng vui vẻ

Niềm vui nhẹ nhàng, hài lòng, thỏa mãn

Thành ngữ	Nghĩa
Vui lòng hả dạ	Hài lòng, mãn nguyện
An lòng	Cảm thấy yên tâm, vui vẻ
Vui vẻ cả làng	Không khí vui chung
Thoải mái tinh thần	Nhẹ nhõm, vui vẻ

Niềm vui do may mắn, tin tốt

Thành ngữ	Nghĩa
Tin vui như nắng hạn gặp mưa	Niềm vui đến bất ngờ
Gặp thời gặp vận	Gặp may mắn
Được mùa được giá	Vừa vui vừa có lợi
Song hỷ lâm môn	Hai niềm vui cùng đến

Vui như Tết: Diễn tả niềm vui lớn, gắn với dịp lễ truyền thống quan trọng nhất của người Việt.

Mở cờ trong bụng: Niềm vui thầm kín nhưng sâu sắc.

Cười như được mùa: Niềm vui gắn liền với thành quả lao động nông nghiệp.

Hớn hờ ra mặt: Niềm vui thể hiện rõ trên nét mặt.

Phơi phới trong lòng: Cảm giác vui tươi, nhẹ nhõm bên trong.

Những thành ngữ này phản ánh rõ nét đặc trưng văn hóa Việt Nam: đề cao cộng đồng, coi trọng sự hòa hợp và thường tiết chế việc bộc lộ cảm xúc quá mức. Niềm vui không chỉ là cảm xúc cá nhân mà còn gắn liền với gia đình, làng xóm và xã hội [6, tr. 146].

Điểm tương đồng: Những thành ngữ thể hiện niềm vui trong tiếng Anh và tiếng Việt có khá nhiều điểm giống nhau về cách tư duy và hình ảnh biểu đạt.

Đều dùng hình ảnh cơ thể để diễn tả cảm xúc: Cả hai ngôn ngữ đều gắn niềm vui với các bộ phận cơ thể: Tiếng Anh: *grin from ear to ear* (cười toe toét); Tiếng Việt: *cười tít mắt, cười toe toét*.

Cả hai ngôn ngữ thể hiện niềm vui qua khuôn mặt, nụ cười, ánh mắt.

Đều dùng hình ảnh “bay lên” hoặc “ở trên cao”: Niềm vui thường được ví như trạng thái nhẹ nhàng, bay bổng: Tiếng Anh: *on cloud nine* (rất hạnh phúc); Tiếng Việt: *vui như bay, lên chín tầng mây*.

Thể hiện niềm vui bằng trạng thái bay cao, vượt lên thực tại.

Đều dùng hình ảnh “bùng nổ, tràn đầy”: Niềm vui được xem như thứ gì đó đầy ắp, không kìm được: Tiếng Anh: *burst with joy*; Tiếng Việt: *vui vỡ òa, mừng phát khóc*.

Niềm vui được thể hiện bằng cảm xúc mạnh, bộc phát.

Đều dùng so sánh với sự vật, hiện tượng quen thuộc: Hai ngôn ngữ đều dùng hình ảnh cụ thể để so sánh: Tiếng Anh: *as happy as a clam* (vui như con trai); Tiếng Việt: *vui như Tết, vui như mở hội*.

Cả hai ngôn ngữ đều dùng so sánh gần gũi văn hóa để diễn tả mức độ vui.

Đều nhấn mạnh mức độ cảm xúc (rất vui): Cả hai ngôn ngữ đều có nhiều thành ngữ để nhấn mạnh “cực kỳ vui”: Tiếng Anh: *over the moon*; Tiếng Việt: *mừng rỡ khôn xiết, vui hết cỡ*.

Có xu hướng phóng đại cảm xúc dâng trào.

Thành ngữ thể hiện niềm vui trong tiếng Anh và tiếng Việt giống nhau ở chỗ đều dùng hình ảnh cơ thể, sự bay bổng, sự bùng nổ và các so sánh quen thuộc để diễn tả cảm xúc mạnh mẽ. Cả hai ngôn ngữ đều sử dụng hình ảnh ẩn dụ để diễn đạt niềm vui, cho thấy vai trò quan trọng của tư duy hình tượng trong ngôn ngữ. Ngoài ra, niềm vui trong cả hai nền văn hóa đều gắn với những trải nghiệm tích cực và được coi là trạng thái cảm xúc đáng trân trọng.

Điểm khác biệt: Tiếng Anh thường dùng hình ảnh không gian, bầu trời, chuyển động (*cloud, air, moon*) để diễn đạt niềm vui cá nhân; Tiếng Việt thiên về cảm xúc nội tâm, lễ hội, đời sống cộng đồng (*Tết, làng, lòng, mặt*); Cả hai ngôn ngữ đều dùng ẩn dụ cơ thể (*mặt, bước chân, ánh mắt*) để thể hiện cảm xúc vui; Mức độ biểu hiện: tiếng Anh thường biểu đạt niềm vui một cách trực tiếp và mạnh mẽ; tiếng Việt thiên về sự kín đáo, hàm ẩn; Nguồn hình ảnh: thành ngữ tiếng Anh hay sử dụng hình ảnh không gian, chuyển động; trong khi tiếng Việt gắn với lễ hội, nông nghiệp và đời sống cộng đồng; Giá trị văn hóa: thành ngữ tiếng Anh phản ánh tính cá nhân; thành ngữ tiếng Việt phản ánh tính cộng đồng.

Giá trị giao văn hóa và ứng dụng.

- Thành ngữ tiếng Anh: Ẩn dụ vật lý và không gian

Thành ngữ tiếng Anh thường diễn tả niềm vui thông qua chuyển động cơ thể, không gian và trạng thái vật lý, mang tính trực quan và cá nhân rõ nét: *On cloud nine* (vui sướng tột độ), *Jump for joy* (nhảy lên vì sung sướng), *Walk on air* (cảm thấy nhẹ nhõm, hạnh phúc), *Over the moon* (vui mừng khôn xiết).

Những hình ảnh này cho thấy niềm vui được ngoại hóa, gắn với hành động cá nhân và cảm giác “bay lên”, “vượt khỏi mặt đất”.

- Thành ngữ tiếng Việt: Ẩn dụ cảm xúc - nội tâm và gương mặt.

Ngược lại, thành ngữ tiếng Việt thường dùng bộ phận cơ thể, đặc biệt là khuôn mặt và nội tâm, để biểu đạt niềm vui: *Vui như mở cờ trong bụng, mặt tươi như hoa, hớn hở trong lòng, mừng rỡ khôn xiết*.

Niềm vui được cảm nhận từ bên trong, mang tính kín đáo, hàm súc và thiên về trạng thái tinh thần hơn là hành động [7, tr. 69].

Sự khác biệt về mức độ biểu lộ cảm xúc

Tiếng Anh luôn biểu đạt ngôn ngữ thể hiện niềm vui một cách trực tiếp, mạnh mẽ. Thành ngữ tiếng Anh thường thể hiện niềm vui một cách mạnh, rõ ràng và không che giấu, rất phù hợp với văn hóa phương Tây đề cao cá nhân và cảm xúc cá nhân: *Full of beans* (tràn đầy năng lượng, vui vẻ), *happy as a clam* (vô cùng hạnh phúc).

Niềm vui luôn được xem là cảm xúc tích cực cần được bộc lộ công khai, không giấu giếm cảm xúc.

Tiếng Việt: Ngôn ngữ tiếng Việt luôn biểu đạt chừng mực, tiết chế, có tính khiêm tốn, khiêm nhường. Trong tiếng Việt, niềm vui thường được thể hiện vừa phải, ít phô trương: *Vui thầm, mừng trong dạ, cười mỉm*.

Điều này phản ánh đặc trưng văn hóa Á Đông: khiêm nhường, giữ ý, coi trọng sự hài hòa trong quan hệ xã hội.

Sự khác biệt về nền tảng văn hóa - xã hội

Thành ngữ tiếng Anh: Luôn chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa cá nhân, luôn đề cao cảm xúc cá nhân, tự do thể hiện cảm xúc và niềm vui luôn gắn với những thành tựu, thành công của cá nhân. Ngôn ngữ luôn gắn với nền tảng văn hóa, xã hội của quốc gia đó.

Ví dụ: *Over the moon* thường dùng khi đạt được mục tiêu riêng (thi đỗ, thăng chức, thành công cá nhân).

Thành ngữ tiếng Việt luôn gắn với tính cộng đồng, gia đình, xã hội. Niềm vui thường liên quan đến sự sum vầy, hòa thuận, may mắn chung của cả tập thể.

Ví dụ: *Vui như Tết* không chỉ là vui cá nhân mà là niềm vui mang tính tập thể, văn hóa cộng đồng.

Sự khác biệt về sắc thái ngôn ngữ

Tiêu chí	Thành ngữ tiếng Anh	Thành ngữ tiếng Việt
Hình ảnh	Không gian, vận động	Nội tâm, khuôn mặt
Mức độ biểu cảm	Mạnh, trực tiếp	Nhẹ nhàng, kín đáo
Trọng tâm	Cá nhân	Cộng đồng
Phong cách	Sinh động, hành động	Hàm súc, giàu cảm xúc

Trong học tập và giảng dạy ngoại ngữ: Việc hiểu thành ngữ giúp người học không chỉ sử dụng ngôn ngữ chính xác mà còn phù hợp về mặt văn hóa, tránh những hiểu lầm không đáng có. Khi chúng ta hiểu rõ về văn hóa thì người học cũng hiểu đúng ngôn từ trong các hoàn cảnh cụ thể để sử dụng ngôn ngữ đúng mục đích và các yêu cầu của người dạy đang muốn truyền đạt, hướng tới. Ngoài ra người dạy có một kiến thức sâu rộng về văn hóa sẽ truyền đạt được ngôn ngữ chính xác, đúng và đủ cho người học về giá trị của ngôn ngữ.

Trong dịch thuật: Một trong những yếu tố quan trọng của dịch thuật ngôn ngữ đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc giữa các nền văn hóa, chúng ta mới hiểu đúng nghĩa của ngôn từ mà người nói muốn sử dụng. Dịch thành ngữ đòi hỏi người dịch phải nắm vững kiến thức giữa hai nền văn hóa để lựa chọn cách chuyển tải tương đương về mặt ý nghĩa và sắc thái cảm xúc của người nói muốn diễn đạt. Vì vậy, ngôn ngữ và văn hóa luôn gắn bó mật thiết với nhau, tạo nên một chỉnh thể không thể tách rời, muốn hiểu được ngôn ngữ tốt thì chúng ta phải hiểu rõ nền văn hóa của quốc gia đó và ngược lại khi chúng ta hiểu rõ về văn hóa thì chúng ta sẽ sử dụng ngôn ngữ phù hợp và đa dạng, giàu cảm xúc và chuẩn mực trong các trường hợp cụ thể.

Trong giao tiếp quốc tế: Hiểu cách thể hiện niềm vui của các nền văn hóa khác nhau giúp tăng cường sự đồng cảm, tôn trọng và hiệu quả giao tiếp. Sự hiểu biết giữa các nền văn hóa giúp cho chúng ta sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và thú vị, tăng cường sự đồng cảm và chia sẻ giữa các cộng đồng ngôn ngữ trên thế giới, làm cho ngôn ngữ trở nên phong phú và đa dạng trong cách sử dụng.

Xem tiếp trang 238